

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **373/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 14/10/2019
V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Hồng Y – sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Công T – sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lưu Thị Hồng Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2002, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo cho vợ con, anh T làm tiền bao nhiêu thì anh T tự tiêu xài không chăm lo cho vợ con, chị đã khuyên ngăn nói chuyện với anh T nhưng không được nên chị đã có lần uống thuốc trừ sâu để tự tử, sau đó thì anh T hứa thay đổi nên chị và anh T hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống với nhau nhưng anh T vẫn không thay đổi, đồng thời giữa vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, chị đã khuyên ngăn anh T nhiều lần nhưng anh T đều bác bỏ tất cả. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Công T1 và Trần Công T2 sinh cùng ngày 23/9/2002. Hiện nay cả 02 con đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị để 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị sẽ tự cho tiền và lo cho 02 con ăn học.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo từ tự khai và biên bản hòa giải ngày 16/9/2019 bị đơn anh Trần Công T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Y cưới nhau vào tháng 12/2001 âm lịch và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Giữa vợ chồng anh chung sống với nhau hoàn toàn không cự cãi, gây gổ nhưng và anh hoàn toàn không biết chị Y giận chuyện gì mà uống thuốc tự tử. Còn mâu thuẫn mà chị Y trình bày cho rằng anh không lo làm ăn để lo cho vợ con là hoàn toàn không có, anh không có đi chơi bời hay tiêu xài cá nhân, anh vẫn lo làm để lo cho vợ con. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y, anh yêu cầu chị Y về tiếp tục chung sống với nhau để anh có thời gian từ từ thay đổi theo lời khuyên ngăn của chị Y.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Công T1 và Trần Công T2 sinh cùng ngày 23/9/2002. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y thì anh đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về con chung, chị Y để 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu, chị sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh T cho rằng giữa anh và chị Y không có mâu thuẫn, chỉ là vợ chồng, cự cãi gây gổ với nhau bình thường nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Y, anh T yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau lo cho con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát phân tích đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh T. Về con chung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung và nợ chung, chị Y và anh T trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Y yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa vợ chồng chị khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị Y và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Y và anh T bất đồng quan điểm sống, chị Y đã nhiều lần khuyên ngăn và đã có lần tự tử, vợ chồng anh chị đã có thời gian hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Phía bị đơn anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh T không có biện pháp để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh T phát sinh trong thời gian dài nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Trần Công T1 và Trần Công T2 sinh cùng ngày 23/9/2002. Khi ly hôn chị Y để anh T nuôi dưỡng 02 con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cả 02 con chung đang do anh T nuôi dưỡng, đồng thời 02 cháu có nguyện vọng được sống với anh T khi anh T và chị Y ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng và chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo biên bản hòa giải ngày 16/9/2019 chị Y và anh T thống nhất anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh T. Về con chung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Hồng Y đối với anh Trần Công T.

Chị Lưu Thị Hồng Y được ly hôn với anh Trần Công T.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Công T1 và Trần Công T2 sinh cùng ngày 23/9/2002 cho anh T nuôi dưỡng. Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Chị Lưu Thị Hồng Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 40393 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên chị Y đã thi hành xong.

4/ Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh